TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 725/2023/HCPT
Ngày: 28/9/2023
V/v: "Khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân

Ông Nguyễn Xuân Phách.

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Dịu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: ***Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh***, ***Kiểm sát viên cao cấp.***

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 546/2023/TLPT-HC ngày 24 tháng 7 năm 2023, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án Hành chính sơ thẩm số 07/2023/HC-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10638/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện***: Ông Dương Văn H, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện*: Ông Hoàng Kông D, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Có mặt.

**** Người bị kiện***: Chủ tịch và UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang; địa chỉ: Trụ sở UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Nguyễn Văn T- Phó Chủ tịch UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện*: Ông Lê Mạnh H1- Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y; Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Thân Thị T1, sinh năm 1976; chị Dương Thị H2, sinh năm 2000; chị Dương Thị Hương G, sinh năm 2004; cùng địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; địa chỉ: Trụ sở UBND xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Người đại diện: Ông Thân Ngọc H3- Chủ tịch UBND xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Người kháng cáo***: Người khởi kiện ông Dương Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tiếp theo tại Tòa án, người khởi kiện ông Dương Văn H trình bày:

Thực hiện dự án xây dựng khu nhà ở xã hội dành cho công nhân ở xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (đợt 2). UBND huyện Y đã ban hành các thông báo, quyết định thu hồi đất, phương án đền bù hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông.

Ngày 01/10/2021, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 10524/QĐ-UBND về cưỡng chế giải tỏa tài sản trên khu đất thu hồi đối với hộ ông Dương Văn H (sau đây viết tắt là Quyết định số 10524) tại thửa đất số 26, diện tích 4.479,4m^2 và thửa đất số 27, diện tích 1.495m^2 tờ bản đồ trích đo số 42 tại xứ đồng Đầu làng, thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Toàn bộ diện tích của gia đình ông đã bị san lấp. Do Quyết định trên có vi phạm nhiều quy định về quản lý và sử dụng đất đai nên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Huỷ Quyết định số 10524/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc cưỡng chế giải toả tài sản trên đất thu hồi đối với hộ ông Dương Văn H;

- Tuyên hành vi cưỡng chế giải toả tài sản của UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang là vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa, người khởi kiện ông Dương Văn H trình bày ông không thắc mắc gì về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thu hồi đất. Ông chỉ không đồng ý với việc UBND huyện Y xác định toàn bộ diện tích 5.974,4m^2 đất trên là đất công ích, không phải đất nông nghiệp thuộc quyền sử dụng của gia đình ông nên UBND huyện Y không phê duyệt phương án bồi thường cho gia đình ông là không đúng quy định.

Chủ tịch UBND và Ủy ban nhân dân huyện Y do ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Phó Chủ tịch đại diện theo ủy quyền trình bày:

- Đối với với nội dung đề nghị Tòa án tuyên huỷ Quyết định số 10524/QĐUBND ngày 01/10/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc

cưỡng chế giải toả tài sản trên đất thu hồi đối với hộ ông Dương Văn H và tuyên hành vi cưỡng chế giải toả tài sản của UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang là vi phạm pháp luật:

Trên cơ sở kiểm tra, xem xét cho thấy hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất giải phóng mặt bằng thực hiện dự án được thực hiện theo Quyết định số 10524/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc cưỡng chế giải toả tài sản trên đất thu hồi đối với hộ ông Dương Văn H đã đảm bảo theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013, Điều 27 Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh B ban hành Quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là đúng quy định của pháp luật.

- Sau khi Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 10524, hộ gia đình ông Dương Văn H đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo quyết định đã được phê duyệt và đã đồng ý, nhất trí bàn giao mặt bằng, tự thu dọn tài sản trên đất thu hồi để thực hiện dự án, thể hiện ở giấy biên nhận tiền và ký biên bản bàn giao mặt bằng; do vậy UBND huyện đã không tổ chức thực hiện cưỡng chế giải tỏa tài sản trên đất đối với hộ gia đình ông Dương Văn H, việc thực hiện di chuyển tài sản trên đất là do gia đình tự thu dọn và di chuyển.

- Đối với nội dung đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND huyện Y về việc thu hồi đất dự án Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đợt 2 (sau đây viết tắt là Quyết định số 315) và Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND huyện Y về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đợt 2 (sau đây viết tắt là Quyết định số 316).

Về thẩm quyền: Căn cứ Điều 66 Luật đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 1 Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B về việc ủy quyền phê duyệt giá đất cụ thể, thu hồi đất nông nghiệp quỹ đất công ích của xã, phường thị trấn, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Điều 26 Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh B ban hành Quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Ngày 05/4/2021 U Quyết định số 315 và Quyết định số 316, trong đó liên quan đến ông Dương Văn H với tổng diện tích đất công ích 5.974,4m^2, với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 230.546.400 đồng là đúng thẩm quyền.

Về trình tự thủ tục ban hành quyết định: Hồ sơ được thực hiện đúng trình tự, thủ tục về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019

của UBND tỉnh B ban hành Quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Chính sách bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Tại dự án Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân, xã N, hộ gia đình ông Dương Văn H bị thu hồi 02 thửa đất nông nghiệp công ích để thực hiện dự án: Thửa đất số 26, diện tích 4.479,4m^2 và thửa đất số 27, diện tích 1.495m^2 tờ bản đồ trích đo số 42). Do vậy ông H được bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất và hỗ trợ tài sản cây cối hoa màu trên đất, với tổng số tiền là 230.546.400 đồng.

Đối chiếu với các quy định, căn cứ pháp lý nêu trên, việc thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với 02 thửa đất nông nghiệp thầu, công ích của ông Dương Văn H để thực hiện dự án đảm bảo đúng, đủ chế độ chính sách theo quy định tại Quyết định số 10/2019/QĐUBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh B.

Từ các nội dung trên, Chủ tịch và UBND huyện Y đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị T1, chị Dương Thị H2 và chị Dương Thị Hương G trình bày: Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 07/2023/HC-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng Hành chính; Điều 66, Điều 67, điểm a khoản 3 Điều 69, Điều 71, Điều 74, Điều 75 và Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H về việc đề nghị Tòa án:

- Huỷ Quyết định số 10524/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc cưỡng chế giải toả tài sản trên đất thu hồi đối với hộ ông Dương Văn H;

- Tuyên hành vi cưỡng chế giải toả tài sản của UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang là vi phạm pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 26/5/2023, người khởi kiện ông Dương Văn H có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện có ý kiến: Giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Căn cứ kháng cáo: Mục đích thu hồi đất không phải vì phát triển kinh tế - xã hội mà có mục đích kinh doanh. Trình tự, thủ tục thu hồi đất không đúng. Không có căn cứ chứng minh đất ông H bị thu hồi là đất công ích. Cưỡng chế thu hồi đất của ông H không đúng quy định.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có ý kiến: Giữ nguyên các quản điểm, căn cứ đã trình bầy ở trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện có ý kiến:

- Mục đích thu hồi đất để dự án Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (đợt 2) thuộc trường hợp thu hồi đất quy định tại điểm c khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai.

- Về trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường GPMB đúng quy định.

- Người khởi kiện đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ hơn 230 triệu đồng, bao gồm bồi thường cây cối, hoa màu còn có hỗ trợ đầu tư vào đất còn lại.

- Đất thu hồi là đất công ích, căn cứ theo quy định thì nguồn gốc đất phải được UBND xã xác định. Tài liệu sau xác định là đất công ích: Có hợp đồng giao thầu cho 14 hộ từ năm 1993. Sau này, 14 hộ không sử dụng thì được giao thầu toàn bộ diện tích cho ông T2 (sử dụng đất được giao thầu cho 14 hộ năm 1993, ông H là 1 trong 14 hộ), thời gian giao thầu là 10 năm và Tại Hội nghị quân, dân, chính thôn; văn bản của UBND xã đều xác định đất ông H đang sử dụng là đất công ích bị thu hồi nên quyết định có tên ông H.

- Về hành vi cưỡng chế, ông H cho rằng không đúng, thì thực tế ông H đã tự nguyện bàn giao đất, đã tự thu hoạch cây để bán, nên ngày 15 không thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của ông H mà ông H tự bàn giao.

Từ các căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

Về việc chấp hành pháp luật: Tại cấp phúc thẩm người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng đến trước khi nghị án.

Về nội dung: Đất ông H bị thu hồi có căn cứ xác định là đất công ích; căn cứ biên bản giao nhận tiền, biên bản bàn giao mặt bằng xét thấy hành vi cưỡng chế thu hồi đất không diễn ra, do ông H tự nguyện nhận tiền bồi thường và tự nguyện bàn giao mặt bằng. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện phù hợp với quy định, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của Người khởi kiện:

[3] Về thời hiệu khởi kiện, đối tượng khởi kiện, quyết định hành chính liên quan cần giải quyết trong vụ án và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng. Ông Dương Văn H đồng ý với nội dung này.

[4] **Xét tính hợp pháp, có căn cứ của Quyết định số 10524/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y** về việc cưỡng chế giải toả tài sản trên đất thu hồi đối với hộ ông Dương Văn H, thấy:

[5] - *Về nguyên tắc, điều kiện ban hành quyết định:* Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013, quy định: Nguyên tắc, điều kiện để ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất là người bị thu hồi đất không chấp hành quyết định thu hồi đất, phương án bồi thường hỗ trợ được phê duyệt và không bàn giao mặt bằng mặc dù đã được vận động, thuyết phục nên Chủ tịch UBND huyện Y đã ban hành Quyết định số 10524 là đúng quy định của pháp luật.

[6] - *Về Thẩm quyền ban hành Quyết định số 10524*: Chủ tịch UBND huyện Y đã ban hành quyết định trên là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

[7] - *Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định* về việc cưỡng chế giải toả tài sản trên đất đã được Chủ tịch UBND huyện Y thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

[8] - *Về nội dung:* Cưỡng chế giải toả tài sản trên đất thu hồi đối với hộ ông Dương Văn H, thấy có liên quan đến Quyết định số 315 về việc thu hồi đất và Quyết định số 316 cùng ngày 05/4/2021 của UBND huyện Y về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (đợt 2). Do vậy, cần xem xét tính hợp pháp của hai quyết định có liên quan này, cụ thể:

[9] + *Về thẩm quyền ban hành quyết định*: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 66 Luật đất đai năm 2013, thẩm quyền thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh B. Để đảm bảo cho việc thu hồi đất, UBND tỉnh B đã ban hành Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 về việc ủy quyền phê duyệt giá đất cụ thể, thu hồi đất nông nghiệp quỹ đất công ích của xã, phường thị trấn, trên địa

bàn tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 62; điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 66 Luật đất đai năm 2013, UBND huyện Y ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB là đúng thẩm quyền.

[10] + *Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định*: Trước khi ban hành quyết định, UBND huyện Y đã tiến hành xây dựng và thực hiện kế hoạch thông báo thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ. Vì vậy, Quyết định số 315 và Quyết định số 316 đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục theo quy định tại tại Điều 67 và Điều 69 Luật đất đai 2013.

[11] + *Về căn cứ xác định diện tích đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB*: Căn cứ vào biên bản hội nghị lấy ý kiến, hợp đồng giao thầu: Toàn bộ diện tích đất 5.974,4m^2 tại thửa đất số 26, diện tích 4.479,4m^2 và thửa đất số 27, diện tích 1.495m^2 tờ bản đồ trích đo số 42 thể hiện thuộc quỹ đất công ích do UBND xã quản lý. Hộ ông Dương Văn H được sử dụng đất do thôn, xã giao thầu. Ngoài các hợp đồng giao thầu ông H không có tài liệu, giấy tờ nào chứng minh về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Do vậy, ông H được bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất và hỗ trợ, bồi thường tài sản cây cối hoa màu trên đất, với tổng số tiền là 230.546.400 đồng.

[12] Vì vậy, UBND huyện Y thực hiện bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất, chi phí đầu tư còn lại vào đất cho hộ ông Dương Văn H là đảm bảo theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62; khoản 2 Điều 74 và Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Điều 25 Điều 26 Điều 27 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh B nên Quyết định số 315 về việc thu hồi đất và Quyết định số 316 là đảm bảo quyền lợi của ông H và đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và căn cứ pháp luật.

[13] Từ những căn cứ và quy định nêu trên, Bản án sơ thẩm xác định Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 10524 về việc cưỡng chế giải toả tài sản trên đất thu hồi đối với hộ ông Dương Văn H là đúng nguyên tắc, điều kiện, thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định Điều 71 Luật Đất đai năm 2013, đảm bảo tính có căn cứ, đúng quy định nên ông Dương Văn H yêu cầu hủy quyết định này không được bản án sơ thẩm chấp nhận là đúng.

[14] **Về yêu cầu tuyên bố hành vi cưỡng chế giải toả tài sản của UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang là vi phạm pháp luật**: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự thể hiện: Sau khi Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 10524, hộ gia đình ông Dương Văn H đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo quyết định đã được phê duyệt và đã đồng ý, nhất trí bàn giao mặt bằng, tự thu dọn tài sản trên đất thu hồi để thực hiện dự án, thể hiện ở giấy biên nhận tiền và ký biên bản bàn giao mặt bằng nên UBND huyện đã không tổ chức thực hiện cưỡng chế giải tỏa tài sản trên đất đối với hộ

gia đình ông Dương Văn H, việc thực hiện di chuyển tài sản trên đất là do gia đình tự thu dọn và di chuyển nên ông Dương Văn H yêu cầu Tòa án tuyên hành vi cưỡng chế giải toả tài sản của UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang vi phạm pháp luật là không có căn cứ chấp nhận.

[15] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Bản án sơ thẩm giải quyết các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đúng quy định. Ông Dương Văn H kháng cáo không có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[16] Về án phí phúc thẩm: Ông Dương Văn H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

2.1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là ông Dương Văn H; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2023/HC-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

2.2. Về án phí: Ông Dương Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Dương Văn H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0005402 ngày 13/6/2023 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bắc Giang.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP; HSVA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hoa